

CÔNG TY TNHH TH CNSL INDUSTRIAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TH CNSL INDUSTRIAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TH CNSL INDUSTRIAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TH CNSL INDUSTRIAL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3801300258

3. Ngày thành lập: 16/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 4, Thôn Phước Quả, Xã Phước Tín, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0939982168

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm nông, lâm sản và động vật mà pháp luật cấm, hạn chế kinh doanh)	4620
3.	Bán buôn thực phẩm (Chỉ được bán những thực phẩm nhà nước cho phép)	4632
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ các loại.	4663
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn viên đốt nén bằng phế phẩm mùn cưa, dăm bào, củi	4669
6.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
8.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
9.	Quảng cáo	7310
10.	Cho thuê xe có động cơ	7710

11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Trừ kinh doanh giết mổ gia súc gia cầm)	1010
12.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến nông sản.	1030
13.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: Ép vỏ hạt điều để lấy tinh dầu. Sản xuất chế biến dầu vỏ hạt điều.	1040
14.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
15.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt.	1075
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất viên đốt nén bằng phế phẩm mùn cưa, dăm bào, củi	1629
19.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
21.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
22.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá tài sản)	4791
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
24.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224

27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay; Dịch vụ kho bãi container thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển; Dịch vụ kho bãi thuộc dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải; Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa; Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan); Dịch vụ khác, bao gồm các hoạt động sau: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải; Dịch vụ hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa và giao hàng; Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải biển; Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường thủy nội địa; Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường sắt; Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường bộ; Dịch vụ vận tải đa phương thức; Các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác; Các dịch vụ khác do thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và khách hàng thỏa thuận phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại.	5229(Chính)
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
29.	Tái chế phế liệu (trong danh mục nhà nước cho phép)	3830
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Xây dựng nhà không để ở	4102
32.	Phá dỡ	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	Việt Nam	46 Hẻm 358/25/38 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	040188000106	

2	ĐẶNG THỊ THÚY	Việt Nam	56 Đường N4, Khu phố 3, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	038184003376	
---	---------------	----------	--	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038184003376

Ngày cấp: 19/10/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 56 Đường N4, Khu phố 3, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 56 Đường N4, Khu phố 3, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước